

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 22.10.14
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9312 /KH-UBND

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2014

SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG

ĐẾN

Số: 3183

Ngày: 20/10/2014

Chuyên: Thực hiện

Lưu hồ sơ số: của Thành

KẾ HOẠCH

Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 25/01/2014
Ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của BCH
Trung ương 8 (khóa XI) “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo,
đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế
thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Thực hiện Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 25/01/2014 của
Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp
hành Trung ương Đảng khoá XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và
đào tạo (GD&ĐT), đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều
kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (sau
đây gọi tắt là Chương trình hành động số 35), UBND thành phố Đà Nẵng ban
hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển hệ thống GD&ĐT thành phố một cách hợp lí theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập khu vực và quốc tế; đảm bảo nguồn nhân lực đủ về số lượng, có cơ cấu phù hợp, có trình độ chuyên môn cao và tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển thành phố.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, kỹ năng thực hành, năng lực ngoại ngữ, tin học; phát huy tối đa tính tích cực, chủ động, khả năng sáng tạo và tiềm năng của người học.
- Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH HIỆN NAY	CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2020
1	2	3	4
a) Giáo dục mầm non	Tỉ lệ trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0,9%	0,5%
	Tỉ lệ trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non bị thừa cân (béo phì)	1,3%	Dưới 1%
	Trẻ mầm non ra lớp, trẻ độ tuổi nhà trẻ	49,1%	65%
	Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 3-4 tuổi và 4-5 tuổi đến trường	96,6%	97%
	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến trường	99,9%	100%
	Tỷ lệ xã, phường, quận, huyện duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục (PCGD) mầm non cho trẻ 5 tuổi	100%	100%
	Tỷ lệ giáo viên (GV), cán bộ quản lý (CBQL) đạt trình độ chuẩn hóa	100% đạt chuẩn. Trên chuẩn: - CBQL: 86%; - GV: 61%.	100% đạt chuẩn. Trên chuẩn: - CBQL: 100%; - GV: 85%.
	Tỷ lệ chủ nhóm lớp độc lập tự thực được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhóm lớp	100%	100%
	Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	24,7%	50%
b) Giáo dục phổ thông	Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi ra lớp	100%	100%
	Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (TH)	98,4%	99%
	Tỷ lệ huy động trẻ em khuyết tật đến trường	60%	95%
	Tỷ lệ học sinh bỏ học vì hoàn cảnh khó khăn	0%	0%
	Tỷ lệ học sinh trung học bỏ học hằng năm	0,13%	Không quá 0,10%
	Tỷ lệ học sinh TH được học 2 buổi/ trên ngày	87,24%	100%
	Tỷ lệ trường trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) tổ chức dạy 2 buổi/ngày	- THCS: 1,20%; - THPT: 1,80%.	- THCS: 35%; - THPT: 20%.
	Tỷ lệ trường TH, THCS, THPT có câu lạc bộ (CLB) tiếng Anh, CLB các môn năng khiếu	100%	100%
	Về học lực học sinh THCS, THPT	- THCS: Giỏi: 34,72% Khá: 32,78% TB: 28,08% Yếu: 4,07% Kém: 0,35% - THPT: Giỏi: 8,49% Khá: 38,39% TB: 45,42% Yếu: 7,89% Kém: 0,29%	- THCS: Giỏi: 35% Khá: 34% TB: 27% Yếu: 3,7% Kém: 0,3% - THPT: Giỏi: 9% Khá: 39,8% TB: 44% Yếu: 7% Kém: 0,2%

	Về hạnh kiểm học sinh THCS, THPT	-THCS: Tốt: 85,45% Khá: 12,84% TB: 1,67% Yếu: 0,05% - THPT: Tốt: 70,44% Khá: 24,14% TB: 4,82% Yếu: 0,60%	THCS: Tốt: 86% Khá: 12,95% TB: 1% Yếu: 0,05% - THPT: Tốt: 71,5% Khá: 25% TB: 3% Yếu: 0,5%
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	98,41%	Đạt 98,5% trở lên
	Trình độ nhà giáo và CBQL	100% đạt trình độ chuẩn. Trong đó, trên chuẩn: 73,51%; đại học 84,7%, thạc sĩ: 3,2%.	100% đạt trình độ chuẩn. Trong đó, trên chuẩn 85%; đại học: 95%, thạc sĩ: 4,5%.
	Tỷ lệ trường TH, THCS, THPT đạt chuẩn quốc gia.	- TH: 69,6% - THCS: 31,6% - THPT: 21,7%	- TH: 83%; - THCS: 65%; - THPT: 73%.
	Tỷ lệ xã, phường, quận, huyện duy trì và giữ vững kết quả PCGD TH đúng độ tuổi, PCGD THCS và PCGD THPT	100%	100%
c) Giáo dục chuyên nghiệp	Tỷ lệ công nhân lao động tại các khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương	- THCS: 50%; - THPT: trên 30%.	- THCS: 70%; - THPT: 50%.
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0,9%	25%
	Tỷ lệ công nhân qua đào tạo nghề	81%	95%
	Số lao động được đào tạo nghề	222.591	383.000
	Tỷ lệ lao động tham gia trong nền kinh tế đã được đào tạo nghề	52%	60%
d) Giáo dục đại học	Tỷ lệ lao động có trình độ đại học, cao đẳng	10,62%	21%
	Số thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo mới	1.079 người (năm 2013)	5.000 người
e) Giáo dục thường xuyên	Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ	99%	99%
	Tỷ lệ người biết chữ tiếp tục học Chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	70%	90%
	Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng	40%	70%
	Tỷ lệ nhà giáo và CBQL giáo dục đạt trình độ trên chuẩn	19%	25%

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và hành động trong đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT

Ngành GD&ĐT cùng với các sở, ban, ngành, đơn vị và các cơ quan truyền thông, báo chí chủ động phối hợp trong việc tổ chức học tập, tuyên truyền, giải thích các nội dung của Chương trình hành động số 35, tập trung vào các nội dung:

- Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, kinh nghiệm phát triển GD&ĐT của thành phố Đà Nẵng.

- Trách nhiệm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và gia đình trong việc tích cực thực hiện xã hội hóa giáo dục; tham gia tạo các nguồn lực phát triển GD&ĐT; xây dựng môi trường lành mạnh, xã hội học tập và học tập suốt đời.

- Biểu dương người tốt, việc tốt trong các hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

2. Tăng cường quản lí nhà nước về lĩnh vực GD&ĐT

a) Thực hiện Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/ 12/ 2010 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lí nhà nước về giáo dục, Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2011 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở GD&ĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng GD&ĐT thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

b) Tăng cường phân cấp quản lí theo quy định, tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm nhằm tạo hành lang pháp lí cần thiết để các cơ sở GD&ĐT có cơ sở thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT thực chất và hiệu quả.

c) Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện thống nhất đầu mối quản lí về GD&ĐT, phân cấp quản lí đồng bộ, trên cơ sở thực hiện chính quyền đô thị, theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đi đôi với việc công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của các cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân.

d) Bảo đảm dân chủ hóa trong giáo dục, dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, thông qua Ban Cán sự lớp, tổ chức Đoàn - Đội và các tổ chức chính trị xã hội, thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá người dạy, giáo viên và giảng viên tham gia đánh giá CBQL, CBQL cấp dưới tham gia đánh giá CBQL cấp trên, cơ sở giáo dục tham gia đánh giá cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục.

e) Nâng cao năng lực quản lí nhà nước về GD&ĐT theo hướng chuẩn hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Yêu cầu nâng cao năng lực quản lí nhà nước về GD&ĐT, ngành GD&ĐT thành phố, các quận, huyện, các

cơ sở giáo dục xây dựng tiến độ từng bước chuẩn hóa về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ cán bộ, viên chức. Tham mưu cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và cá nhân tham gia xây dựng và đóng góp cho sự nghiệp giáo dục. Đặc biệt, trong những năm đến, các trường học, cơ sở giáo dục xây dựng môi trường thuận lợi cho mọi người học tập, rèn luyện, được bình đẳng phát huy tư duy, sáng tạo, phát huy khả năng và nhân cách, tạo ra người lao động mới, nguồn nhân lực có phẩm chất, trí tuệ và tài năng đáp ứng hội nhập quốc tế.

g) Các địa phương, cơ sở GD&ĐT xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục 5 năm và hằng năm. Trước mắt, trên cơ sở Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 35, các địa phương và cơ sở giáo dục xây dựng Kế hoạch thực hiện năm học 2014-2015 và kế hoạch 5 năm từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020.

h) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục, trong quản lý nhà nước về GD&ĐT, quản lý ngành, quản lý và chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ, đổi mới phương pháp dạy và học, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học thực chất, bền vững.

i) Đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục các cấp; tiếp tục đẩy mạnh công tác tự đánh giá và đánh giá từ bên ngoài. Thực hiện công khai kết quả đánh giá chất lượng giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Sở GD&ĐT.

k) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý giáo dục, việc thực hiện nhiệm vụ tại các địa phương, các cơ sở giáo dục; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và thông báo công khai trước công luận nhằm khắc phục cơ bản tiêu cực trong dạy thêm, học thêm; tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích; lạm thu trong trường học; những sai phạm trong đào tạo liên thông; liên kết đào tạo, đào tạo liên kết với nước ngoài.

3. Xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT

a) Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục theo các quy định của chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn CBQL giáo dục, đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của ngành: đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu; giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; mẫu mực về phẩm chất, đạo đức, lối sống.

b) Tiến hành rà soát, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục các cấp học, để xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển hợp lý; phát hiện những nhân tố tích cực để xây dựng đội ngũ cốt cán, đưa vào diện quy hoạch cán bộ nguồn, tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, kịp thời thay thế những CBQL giáo dục nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; tuyển

dụng giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng nhà giáo giảng dạy theo định mức quy định công tác tại các đơn vị, trường học. Việc rà soát được thực hiện thường xuyên hàng năm; trong đó ngành GD&ĐT có kế hoạch rà soát tổng thể về các lĩnh vực của đội ngũ, hoàn thành trước năm học 2015-2016.

Đổi mới công tác quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhà giáo và CBQL giáo dục các đơn vị, trường học phải trên cơ sở đánh giá thực tế năng lực và hiệu quả công tác, đi đôi với cơ chế đánh giá, sàng lọc. Tổ chức thi tuyển để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo trường học trên cơ sở khung năng lực, vị trí việc làm và các quy định của các văn bản hiện hành.

Việc giám sát, kiểm tra, đánh giá đội ngũ được quản lí, thực hiện thông qua ứng dụng công nghệ thông tin với 80% trở lên các nội dung sử dụng.

c) Xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên các đơn vị, trường học; thực hiện các giải pháp để liên kết các cơ sở đào tạo với các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học.

Thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại; bồi dưỡng thường xuyên, chuyên đề nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu triển khai chương trình, sách giáo khoa mới; đặc biệt xét chọn cử nhà giáo, CBQL giáo dục trẻ, có năng lực, có hướng phát triển đi đào tạo sau đại học, nhằm xây dựng đội ngũ cốt cán ở các bộ môn, các bậc học trong toàn ngành. Tổ chức các lớp bồi dưỡng về công tác quản lí cho đội ngũ CBQL giáo dục và giáo viên dự nguồn các chức danh lãnh đạo; tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao về trình độ năng lực ngoại ngữ, tin học, lí luận chính trị... bồi dưỡng nghiệp vụ tổ trưởng chuyên môn cho tổ trưởng, tổ phó các đơn vị, trường học.

Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ của đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức cán bộ, quản lí cơ sở giáo dục; quản lí và sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu nhà giáo và CBQL giáo dục, đáp ứng yêu cầu công tác tổ chức cán bộ và cải cách hành chính trong thời kỳ mới.

d) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng và phát triển đội ngũ. Sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách thu hút đặc thù của thành phố nhằm thu hút, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, bố trí về công tác trong ngành phù hợp với chuyên môn được đào tạo; có chế độ, chính sách phù hợp đối với giáo viên và CBQL giáo dục và khi chuyển về công tác tại cơ quan sở, phòng GD&ĐT.

e) Tổ chức đánh giá, xếp loại CBQL giáo dục, giáo viên và viên chức theo các quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường học, giám đốc, phó giám đốc các trung tâm GDTX đảm bảo khách quan, công bằng và khoa học; lấy kết quả đánh giá, xếp loại làm cơ sở để

thực hiện các chế độ, chính sách, thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong toàn ngành. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về triển khai, quản lý thực hiện công tác đánh giá giáo viên, CBQL giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp; qua đó rút kinh nghiệm và đề xuất thay đổi các tiêu chí, yêu cầu, các lĩnh vực và quy trình đánh giá chuẩn cho phù hợp với những thay đổi của ngành, điều kiện thực tế của từng đơn vị.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, ngành học

a) Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo Chỉ thị số 23/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác y tế trong các trường học và Chiến lược Quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 tại thành phố Đà Nẵng.

- Tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non. Triển khai nhiều giải pháp để nâng cao thể chất cho trẻ mầm non.

- Nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non có thực hiện bán trú phù hợp với điều kiện kinh tế của từng quận, huyện, xã, phường. Xây dựng các mô hình bếp ăn bảo đảm an toàn thực phẩm, bữa ăn đảm bảo về chất lượng và số lượng theo nhu cầu độ tuổi ở các cơ sở giáo dục gắn với phong trào nâng cao chất lượng dinh dưỡng, phát triển tốt thể chất cho trẻ, phòng chống suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thừa cân (béo phì) học đường.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả việc thực hiện Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình Giáo dục mầm non. Triển khai và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non đến các cơ sở giáo dục mầm non; Ban giám hiệu nhà trường tăng cường chỉ đạo giáo viên phối hợp linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực nhằm tổ chức tốt các hoạt động giáo dục cho trẻ ở từng độ tuổi, tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm thực tế để phát triển trí lực và hình thành nhân cách cho trẻ.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học; quan tâm giáo dục thể chất nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc học sinh theo Quyết định số 641/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, dạy học nhằm tăng cường giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; giáo dục quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn giao thông; coi trọng phương pháp giáo dục bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Triển khai hiệu quả các đề án, chương trình hoạt động ngoại khóa để giáo dục toàn diện cho học sinh. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tạo cơ hội cho học sinh thâm nhập thực tiễn, phát triển cả trí tuệ và

thể chất. Hướng dẫn, tư vấn tâm lí, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, nhất là các lớp cuối cấp.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo việc quản lí, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình và sách giáo khoa hiện hành; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lí học sinh; quán triệt thực hiện tốt các chỉ thị, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện tốt việc kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo việc kiểm tra đánh giá chính xác với kết quả học tập của học sinh và thông qua đánh giá nhằm thúc đẩy quá trình học tập của học sinh.

- Tập trung chỉ đạo tốt việc dạy học ngoại ngữ và tin học; tăng cường trang thiết bị công nghệ thông tin, tăng khả năng ứng dụng các phần mềm dạy học, soạn giảng giáo án điện tử, bài giảng e-learning, dạy học lí thuyết đảm bảo song song với thực hành thí nghiệm ở phòng bộ môn

c) Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tổ chức các kì thi

- Đổi mới phương pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng dạy học ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục nhằm tích cực hóa quá trình giáo dục và dạy học của thầy và trò.

- Khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, cách học thụ động, thiếu sáng tạo; giảm thời gian lí thuyết, tăng thời gian thực hành; vận dụng kiến thức vào thực tiễn; hướng dẫn phương pháp tự tìm hiểu, tự học cho học sinh; tăng thời gian đi thực tế, tìm hiểu thực tiễn, rèn luyện tư duy sáng tạo, chủ động tiếp thu kiến thức của người học; tích hợp cao ở các lớp dưới và phân hóa dần ở các lớp trên.

- Triển khai tốt các chủ trương, chính sách mới, nắm vững định hướng của các cấp, các ngành nhằm rèn luyện tư duy sáng tạo của học sinh thông qua việc vận động, hướng dẫn các em tham gia các kì thi, cuộc thi như: Sáng tạo khoa học kĩ thuật, Tin học trẻ, Viết thư quốc tế UPU...

- Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn để giáo viên có thêm nhiều kinh nghiệm dạy học. Tổ chức, trao đổi, tọa đàm, sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn; giảm thiểu về hồ sơ sổ sách không cần thiết, tăng tính thực hành, tính hiệu quả trong công việc để đội ngũ nhà giáo tập trung công việc chuyên môn.

- Xây dựng ngân hàng đề phục vụ tốt cho quá trình kiểm tra, đánh giá chính xác và khách quan. Tổ chức thi tốt nghiệp, tuyển sinh đúng quy chế, khách quan, không gây nặng nề, tốn kém.

d) Tiếp tục phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo học sinh giỏi; học sinh năng khiếu, tăng số lượng và chất lượng học sinh đạt giải quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Có kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát và định hướng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tại các đơn vị, trường học;

chú trọng đẩy mạnh số lượng và chất lượng học sinh đạt giải quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm và năng lực chuyên môn của giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đặc thù này.

- Điều chỉnh cơ chế, chính sách, hỗ trợ đối với giáo viên tham gia công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; đề xuất chính sách khuyến học, khuyến tài phù hợp để tạo động lực cho giáo viên và học sinh phấn đấu.

e) Tổ chức thực hiện tốt việc dạy và học ngoại ngữ theo Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong các cấp học của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2012 - 2020” đã được UBND thành phố phê duyệt.

- Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho CBQL, giáo viên tiếng Anh trong toàn thành phố về việc bồi dưỡng, nâng chuẩn, việc tự học, tự bồi dưỡng, ý thức trách nhiệm, tự học, tự rèn của giáo viên để đáp ứng các yêu cầu mới của bộ môn. Xác định việc bồi dưỡng chuyên môn, chuẩn hóa năng lực giáo viên tiếng Anh các trường TH, THCS, THPT là một quá trình lâu dài, bền bỉ, đòi hỏi bản thân giáo viên phải kiên trì, nỗ lực nhiều trong tự học, tự rèn bên cạnh sự quan tâm, động viên, khuyến khích của CBQL các đơn vị, các cấp, các ngành.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, trường học bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giáo viên, thường xuyên tạo điều kiện để giáo viên vừa yên tâm giảng dạy, vừa tự bồi dưỡng và tham gia các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch của Sở GD&ĐT; có những biện pháp hữu hiệu nhằm động viên, tạo điều kiện để giáo viên hoàn thành các đợt bồi dưỡng và đạt kết quả tốt nhất.

- Sử dụng kinh phí từ các nguồn chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách thành phố để tập trung bồi dưỡng cho giáo viên cấp TH, THCS và THPT, phấn đấu đạt chuẩn cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh theo mục tiêu của Đề án.

g) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc giảng dạy bộ môn Giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQP-AN).

- Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của các cấp, các ngành để đội ngũ CBQL và giáo viên có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của bộ môn và có sự đầu tư thích đáng cho bộ môn này.

- Tổ chức tốt các đợt tập huấn, các đợt bồi dưỡng về chính trị, về chuyên môn cho đội ngũ giáo viên giảng dạy bộ môn GDQP-AN để nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy bộ môn này trong trường phổ thông.

- Phối hợp với các tổ chức khác để giáo viên được thường xuyên bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao nhận thức về tình hình trong nước và thế giới, nói và làm đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

- Tổ chức định kì hội thao GDQP-AN cho các trường THPT; lập kế hoạch tham gia các hội thi, hội thao giáo viên và học sinh GDQP-AN toàn quốc.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về phát triển nhân lực.

- Các cấp, các ngành và toàn xã hội cần nâng cao nhận thức về vai trò của nguồn nhân lực. Chú trọng công tác phát triển nhân lực trong từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tăng cường sự chủ động, sáng tạo, tránh dựa hoàn toàn vào các cơ quan quản lý nhà nước.

- Mỗi cấp, mỗi ngành cần nhận thức rõ, bên cạnh khoa học, công nghệ, vốn tài nguyên thì con người chính là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy một tổ chức, một địa phương hay một quốc gia phát triển. Chú trọng phát triển nhân lực là việc làm cấp thiết để theo kịp nền kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để thay đổi nhận thức của xã hội về hướng nghiệp và dạy nghề: xem học nghề là cơ hội để tìm kiếm việc làm cho mỗi người, ổn định thu nhập cho bản thân, gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống. Phát triển đội ngũ chuyên gia am hiểu về tâm lý học nghề nghiệp, thông tin thị trường lao động, am hiểu về thực tế ngành nghề xã hội, kinh tế học lao động để thực hiện công tác hướng nghiệp.

b) Đổi mới quản lý nhà nước về phát triển nhân lực

- Hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu quả và hoạt động bộ máy quản lý.

- Tăng cường vai trò quản lý nhân lực trên địa bàn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đặc biệt chú trọng công tác thu thập, xây dựng hệ thống thông tin về cung - cầu nhân lực trên địa bàn và tham mưu cho UBND thành phố trong việc đảm bảo cân đối cung cầu nhân lực để phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Rà soát, đánh giá, quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhân lực.

- Nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan quản lý, phát triển nhân lực: Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và các đơn vị phụ trách công tác tổ chức, nhân sự của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Mỗi cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực trong từng giai đoạn; xác định hệ thống vị trí việc làm và tiêu chuẩn nhân sự phù hợp; thực hiện tuyển dụng công khai, minh bạch; có kế hoạch thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực; đổi mới phương pháp đánh giá năng lực công tác và chế độ khen thưởng, kỷ luật; đổi mới phương pháp quản lý nhân lực theo hướng hiện đại, hiệu quả.

c) Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các chủ thể tham gia phát triển nhân lực trên địa bàn thành phố

- Thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu lao động (quy mô, trình độ, ngành nghề...) cho từng năm và từng giai đoạn cụ thể.

- Xây dựng chương trình tổng thể phát triển nguồn nhân lực ở các doanh nghiệp theo hướng: Lập kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng quy trình tuyển dụng, cải thiện điều kiện lao động và nâng cao chất lượng môi trường làm việc, hoàn thiện chế độ đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động, hoàn thiện hệ thống nội quy và tăng cường kỷ luật lao động, bố trí và phân công lao động thích hợp tại các doanh nghiệp...

- Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp với các cơ sở đào tạo, dạy nghề, trong đó cần gắn kết chặt chẽ mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp với Sở Nội vụ, Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, giữa các doanh nghiệp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; đồng thời liên kết các cơ sở đào tạo, dạy nghề để tìm sự thống nhất giữa cung và cầu lao động trong thời gian đến, hạn chế đến mức thấp nhất sự lãng phí trong phát triển nhân lực.

- Các cơ sở đào tạo, dạy nghề xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và dạy nghề với cơ cấu, trình độ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo với các cơ sở đào tạo, dạy nghề. Các cơ sở đào tạo, dạy nghề trên địa bàn thành phố cần thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động, kết nối thông tin với cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn.

d) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách khuyến khích và thúc đẩy phát triển nhân lực.

Tiếp tục triển khai và hoàn thiện chính sách đào tạo, phát triển nhân lực như chính sách thu hút nhân lực trình độ cao phục vụ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của thành phố; chính sách thi tuyển chức danh lãnh đạo; chính sách đào tạo đội ngũ cán bộ dự nguồn cho các chức danh cán bộ chủ chốt phường, xã; chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; chính sách hỗ trợ đào tạo bậc đại học tại các cơ sở giáo dục trong nước và ở nước ngoài cho các học sinh khá, giỏi; chính sách đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở các cơ sở nước ngoài dành cho cán bộ, công chức, viên chức; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng trong diện thu hồi đất, chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp dạy nghề.

6. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới công tác quản lý tài chính và đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

a) Công tác kế hoạch

- Tiếp tục phát triển mạng lưới trường lớp theo cơ cấu hợp lý giữa các ngành học, cấp học theo Đề án quy hoạch tổng thể ngành đến năm 2020.

- Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo.

Trong đó, làm tốt công tác quy hoạch sử dụng đất, chọn địa điểm xây dựng phát triển trường học theo quy hoạch, đảm bảo diện tích trường học đạt chuẩn quy định.

b) Công tác tài chính

- Triển khai có hiệu quả, tạo mọi điều kiện về hành lang pháp lý để các trường học trên địa bàn thành phố chủ động thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập và Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về Hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo.

- Chỉ đạo các trường học trên địa bàn thành phố nghiêm túc thực hiện Thông tư số 09/2009/TT-BGD&ĐT ngày 07/5/2009 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân:

- + Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế;
- + Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục;
- + Công khai thu chi tài chính.

- Triển khai có hiệu quả Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 về việc “Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân” và Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ban hành “Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh”. Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội cho giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động thu chi tài chính tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn, đảm bảo giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc huy động và sử dụng kinh phí.

c) Công tác tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật

- Thực hiện việc cân đối, bố trí kinh phí triển khai thực hiện Đề án mở rộng, nâng cấp, xây mới các trường tiểu học, phấn đấu đến năm học 2015 – 2016, 100% học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố được học 2 buổi/ngày.

- Rà soát và tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong các cấp học của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2012 - 2020”; Đề án “Xây dựng phòng bộ môn đạt chuẩn đến năm 2020” và các đề án đã được UBND thành phố phê duyệt.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh trong các trường học trên toàn thành phố để đến năm học 2015-2016 các trường học đều có nhà vệ sinh sạch sẽ, đạt chuẩn.

- Đối với các bể bơi do tổ chức TASC tài trợ và chuyển giao cho các trường tiểu học: UBND các quận, huyện cân đối ngân sách hoặc huy động từ nguồn xã hội hóa để sửa chữa các bể bơi và làm việc với Sở Tài chính để cân đối kinh phí tổ chức, duy trì việc dạy bơi cho các trường.

Đối với những trường tiểu học chưa có bể bơi, trước mắt, sử dụng chung bể bơi của các trường lân cận. UBND các quận, huyện rà soát, đề xuất xây dựng bể bơi tại Trung tâm Văn hóa Thể thao quận, huyện hoặc kêu gọi xã hội hóa để xây dựng bể bơi cho học sinh trên địa bàn.

- Tập trung các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học khu vực nông thôn theo kế hoạch triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới theo chỉ đạo của Thành ủy tại Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 19/3/2012 về việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng phòng học bộ môn, thư viện đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT.

d) Công tác xã hội hóa giáo dục

- Đẩy mạnh xã hội hóa GD&ĐT, nhất là đối với giáo dục mầm non. Đối với THPT có cơ chế phù hợp để đẩy mạnh, thu hút nguồn lực đầu tư, chú trọng các trường chất lượng cao ngoài công lập. Chuyển phát triển giáo dục ngoài công lập từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả.

- Tăng cường hỗ trợ giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng núi, học sinh Trường THPT Phạm Phú Thứ, Trường THCS Nguyễn Tri Phương và các trường TH, mầm non thuộc các xã: Hòa Bắc, Hòa Phú và Hòa Ninh.

- Triển khai Đề án “Quy hoạch phát triển mạng lưới trung tâm ngoại ngữ - tin học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” với kinh phí xã hội hóa.

7. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục

a) Tiếp tục phát triển và duy trì mối quan hệ hợp tác đối với các trường đại học, học viện, các tổ chức giáo dục nước ngoài.

- Duy trì và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế với cơ quan ngoại giao các nước tại Việt Nam như: Đại sứ quán Cộng hòa Pháp, Đại sứ quán Úc, Tổng Lãnh sự quán New Zealand tại thành phố Hồ Chí Minh...

- Duy trì và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế với các trường đại học trên thế giới (ĐH Kỹ thuật Troyes - Pháp; ĐH Queensland, ĐH Monash - Úc; trường Đại học Canterbury - New Zealand...) cũng như một số tổ chức tư vấn du học có uy tín thuộc Đại sứ quán Úc, Hội đồng Anh... nhằm tìm kiếm học bổng cho học sinh học các ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thành phố.

- Tiếp tục phát triển mối quan hệ hợp tác với Hội đồng Vùng Nord Pas de Calais - Cộng hòa Pháp; hợp tác với trường Trung học chuyên nghiệp Ambroiso Croizat trong khuôn khổ Dự án “Lớp học Bắc - Nam” do Hội đồng Vùng Nord Pas de Calais tài trợ kinh phí.

- Chú ý thiết lập mối quan hệ mới với các trường THPT và đại học danh tiếng, có chất lượng cao ở nước ngoài, để qua đó, thực hiện các chương trình, đề án phát triển trường; gửi cán bộ, giáo viên, học sinh đi học tập, giao lưu và thực hiện các đề án nghiên cứu khoa học.

b) Hướng dẫn ngành GD&ĐT mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trên lĩnh vực GD&ĐT theo đúng quy định tại Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của UBND thành phố về việc ban hành Quy định về công tác quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó tập trung chủ yếu vào các nội dung sau:

- Đánh giá hiệu quả các trường, đơn vị giáo dục đang hoạt động trên địa bàn như Trường liên cấp Quốc tế Singapore, Viện Anh ngữ ELI thuộc Đại học Đà Nẵng và Đại học Queensland...

- Theo dõi, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển mạng lưới các trường do nước ngoài đầu tư ở tất cả các bậc học mẫu giáo, TH, THCS, THPT, cao đẳng và đại học.

- Kiểm định, đánh giá chính xác thông tin mà các trường học, các đơn vị giáo dục nước ngoài xin phép quảng bá, triển khai trên địa bàn thành phố.

8. Xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời

a) Nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập (XHHT).

- Tổ chức các hình thức tuyên truyền phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp, khu dân cư, qua các hội nghị, hội thảo, mạng internet.

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền xây dựng XHHT thông qua phong trào gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học; phát động phong trào gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học, phát động phong trào đơn vị học tập, cộng đồng học tập.

- Nghiên cứu và tổ chức bằng nhiều hình thức nhằm động viên mọi người học tập suốt đời; hàng năm tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời với nhiều chủ đề khác nhau tại tất cả các cơ sở giáo dục trên toàn thành phố.

- Xây dựng chuyên mục “Xây dựng XHHT” trên đài truyền hình, đài phát thanh; biên soạn và phát hành các bản tin, tài liệu tuyên truyền về xây dựng XHHT.

- Tuyên dương, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác xây dựng XHHT; tổ chức xét tặng danh hiệu “Đơn vị học tập xuất sắc” cho các cơ quan, địa phương.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời” tại các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa và câu lạc bộ.

- Các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện các chương trình giáo dục từ xa, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về các lĩnh vực của khoa học đời sống.

c) Chấn chỉnh và kiện toàn hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng gắn liền với các trung tâm văn hóa xã, phường.

d) Đẩy mạnh hình thức học từ xa, học qua mạng.

- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn ở các cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho việc đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc cung ứng các chương trình học tập suốt đời cho mọi người.

e) Triển khai các biện pháp hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập suốt đời

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

- Triển khai cơ chế, đánh giá, công nhận kết quả học tập không chính quy nhằm khuyến khích mọi người dân tự học, tự tích lũy kiến thức theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức biên soạn tài liệu học tập về các lĩnh vực của đời sống xã hội đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân.

- Đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá phù hợp với việc học tập của người lớn tuổi.

g) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành và các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng XHHT.

- Quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các tổ chức và cá nhân, cơ chế tham gia phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức, các doanh nghiệp đối với công tác học tập suốt đời và xây dựng XHHT.

- Quy định các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân đưa nội dung xây dựng XHHT là nội dung bắt buộc trong chương trình kế hoạch hoạt động, thi đua hằng năm và từng giai đoạn.

- củng cố Ban Chỉ đạo Chống mù chữ - Phổ cập giáo dục và xây dựng XHHT các cấp. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng XHHT của thành phố.

- Củng cố, xây dựng bộ phận làm đầu mối quản lý về học tập suốt đời, xây dựng XHHT ở các sở, ngành, tổ chức, hội đoàn thể, doanh nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng quỹ học tập suốt đời để hỗ trợ người lao động học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp hoặc đào tạo cho những người chuyển đổi nghề nghiệp.

h) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4816/QĐ-UBND ngày 18/7/2014 của UBND thành phố về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

9. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lí

a) Tăng cường nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực giáo dục theo Chương trình hành động số 25-CTr/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học trong thành phố. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục, chất lượng của các đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Khoa học công nghệ thành phố và của ngành GD&ĐT, chú trọng đến việc khuyến khích, hướng dẫn đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí, học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Đồng thời, tăng cường công tác đặt hàng nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, các thành tựu về khoa học giáo dục vào trong các hoạt động GD&ĐT của thành phố.

c) Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

d) Tổ chức tốt phong trào sáng kiến cải tiến trong ngành GD&ĐT, đổi mới việc phổ biến và ứng dụng các sáng kiến, giải pháp công nghệ trong các hoạt động dạy học và công tác quản lí của ngành.

e) Đầu tư kinh phí hợp lí cho hoạt động nghiên cứu, áp dụng thí điểm các sáng kiến, giải pháp khoa học và xây dựng chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích, động viên và thu hút nhiều nhà khoa học, chuyên gia đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục của thành phố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Có trách nhiệm giúp Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo thành phố triển khai thực hiện Chương trình hành động số 35; tổng hợp tình hình định kỳ 6 tháng và báo cáo năm để báo cáo UBND thành phố kết quả triển khai Kế hoạch này.

- Triển khai các nội dung của Kế hoạch tới các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

2. Sở Tài chính

- Phối với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở GD&ĐT tham mưu với UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở cân đối ngân sách thành phố.

- Tham mưu UBND thành phố ưu tiên ngân sách cho các đề án phát triển giáo dục đã ban hành; ưu tiên kinh phí xây dựng các phòng học để 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày vào năm học 2015 - 2016.

3. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Thực hiện về tăng cường phân cấp quản lý nhà nước về GD&ĐT, tiếp tục tham mưu UBND thành phố thực hiện Nghị định số 115/2012/NĐ-CP ngày 24/12/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 19/10/2011 của Liên bộ GD&ĐT - Nội vụ.

- Xây dựng nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách để kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, giáo viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thành phố giao.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT và các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu đưa một số chỉ tiêu về phát triển GD&ĐT, công tác tuyển sinh, chỉ tiêu đào tạo vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hàng năm và 5 năm của các kỳ Đại hội Đảng bộ thành phố.

- Phối hợp với Sở GD&ĐT nghiên cứu, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị phục vụ cho dạy và học.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, các cơ sở đào tạo, dạy nghề và các doanh nghiệp để thực hiện việc dự báo nhu cầu lao động cụ thể cho từng năm và từng giai đoạn.

- Hỗ trợ trang thiết bị dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Tuyên truyền và triển khai Kế hoạch này trong hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố.

6. UBND các quận, huyện phối hợp với Sở GD&ĐT và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND thành phố phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn công tác GD&ĐT của từng địa phương, đơn vị.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia xây dựng, đổi mới sự nghiệp GD&ĐT của thành phố.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng, Báo Công an Đà Nẵng tổ chức tuyên truyền các nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương (khóa XI); các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 25/01/2014 của Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” của UBND thành phố Đà Nẵng. Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được phân công để triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Kế hoạch (thông qua Sở GD&ĐT).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị các sở, ngành liên quan, các địa phương phản ánh về Sở GD&ĐT để báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh./. *~*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới GD&ĐT TP;
- Các sở, ban, ngành;
- Các hội, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Lưu: VT, VX (Nhân).

8571

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Văn Hữu Chiến

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

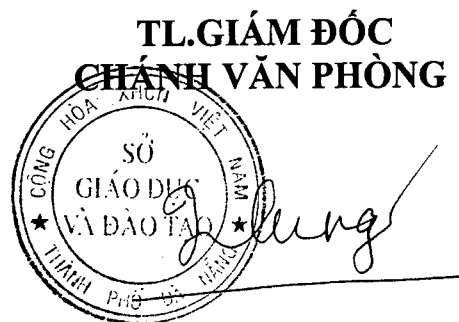
SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 63 /SY-SGDĐT

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 10 năm 2014

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở, Công đoàn ngành;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị, trường học;
- Lưu: VT, VP.



Đặng Hùng

